

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22819603] - Thực tập PLC
(CCQ2315A)
CBGD: Nguyễn Thị Lan Phương (280017)

Số SV có mặt: 17...
Số bài thi: 17...
Số tờ giấy thi: 17...

gmm2
Ng TL Phương
ĐS Phan
gmm2
Ng TL Phương
ĐS Phan

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123150006	Lê Hữu	Bằng	08/06/2005	CCQ2315A		<u>gmm2</u>	7.3	6.0	6.5
2	2123150034	Nguyễn Văn	Cảnh	11/04/2005	CCQ2315A		<u>Cảnh</u>	8.0	5.0	6.2
3	2123150030	Nguyễn Thành	Đạt	17/08/2005	CCQ2315A		<u>Đạt</u>	7.0	7.0	7.0
4	2123150036	Võ Hồ Bảo	Duy	14/06/2005	CCQ2315A		<u>Duy</u>	10.0	8.5	9.1
5	2123150020	Đoàn Hoàng	Hiệp	12/11/2005	CCQ2315A		<u>Hiệp</u>	9.0	7.0	7.8
6	2123150035	Trần Minh	Hồ	06/05/2005	CCQ2315A					
7	2123150019	Lê Văn	Hưng	13/01/2005	CCQ2315A		<u>gmm2</u>	8.8	7.0	7.7
8	2123150007	Lê Thanh	Huy	28/03/2005	CCQ2315A		<u>gmm2</u>	6.0	7.0	6.6
9	2123150003	Phạm Duy	Khanh	07/05/2004	CCQ2315A		<u>Khanh</u>	8.3	8.0	8.1
10	2123150029	Trương Tuấn	Kiệt	28/01/2005	CCQ2315A		<u>gmm2</u>	9.0	4.0	6.0
11	2123150037	Trần Hoài	Linh	13/09/2005	CCQ2315A		<u>Linh</u>	6.0	7.0	6.6
12	2123150021	Nguyễn Thành	Lộc	08/05/2003	CCQ2315A		<u>gmm2</u>	6.2	6.0	6.1
13	2123150023	Tô Hữu	Lực	29/01/2005	CCQ2315A		<u>Lực</u>	7.2	7.5	7.4
14	2123150014	Nguyễn Hồng	Nhật	01/06/2005	CCQ2315A		<u>nhật</u>	8.8	8.5	8.6
15	2123150012	Võ Văn	Phát	07/07/2005	CCQ2315A		<u>Phát</u>	7.7	7.0	7.3
16	2123150060	Huỳnh Nhựt	Phong	19/08/2005	CCQ2315A		<u>Phong</u>	5.5	7.5	6.7
17	2123150005	Đỗ Văn	Phú	05/10/2005	CCQ2315A		<u>Phú</u>	8.0	7.0	7.4
18	2123150013	Võ Hồng	Phúc	30/11/2005	CCQ2315A		<u>Phúc</u>	5.7	5.0	5.3
19	2123150027	Lê Văn	Quyển	01/01/2004	CCQ2315A					
20	2123150016	Trần Ngọc	Thanh	29/12/2005	CCQ2315A					

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22819604] - Thực tập PLC
(CCQ2315B)
CBGD: Nguyễn Thị Lan Phương (280017)

Số SV có mặt: 17...
Số bài thi: 17.....
Số tờ giấy thi: 17..

Ng TL Phương AS Phan Ng TL Phương AS Phan

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123150067	Lê Nhật	Anh	25/08/2005	CCQ2315B			8.3	9.0	8.7
2	2123150044	Lê Đình	Chương	15/05/2005	CCQ2315B			7.0	6.5	6.7
3	2123150002	Nguyễn Bá	Đạt	08/05/2003	CCQ2315B			9.0	8.0	8.4
4	2123150056	Nguyễn Ngọc Tiến	Đạt	05/02/2005	CCQ2315B			8.8	5.0	6.5
5	2123150054	Trần Thành	Đạt	19/05/2005	CCQ2315B			10	5.0	7.0
6	2123150043	Huỳnh Quốc	Duy	11/09/2003	CCQ2315B			8.8	6.0	7.1
7	2123150050	Phạm Ngọc	Hiền	14/03/2005	CCQ2315B			6.8	6.5	6.6
8	2123150045	Nguyễn Đức	Hoà	07/09/2005	CCQ2315B			8.7	5.0	6.5
9	2123150061	Nguyễn Nhật	Hòa	21/05/2005	CCQ2315B			8.7	5.0	6.5
10	2123150059	Nguyễn Minh	Hoàn	07/01/2005	CCQ2315B			9.5	5.5	7.1
11	2123150070	Lê Hoài	Nam	05/10/2005	CCQ2315B			8.7	5.0	6.5
12	2123150058	Nguyễn Như	Phát	01/01/2005	CCQ2315B			8.0	5.0	6.2
13	2123150063	Phan Huy	Sang	08/03/2005	CCQ2315B			7.3	5.0	5.9
14	2123150051	Huỳnh Tấn	Sanh	17/09/2005	CCQ2315B			6.3	4.5	5.2
15	2123150047	Phạm Đăng	Son	29/03/2005	CCQ2315B			7.0	5.0	5.8
16	2123150046	Phan Thành	Sỹ	24/07/2005	CCQ2315B			7.2	4.0	5.3
17	2123150057	Bùi Đức	Tài	15/10/2004	CCQ2315B			7.8	7.0	7.3
18	2123150062	Nguyễn Minh	Thắng	23/10/2005	CCQ2315B					

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22819606] - Thực tập PLC
(CCQ2315A)

CBGD: Nguyễn Thị Lan Phương (280017)

Số SV có mặt: 12...
Số bài thi: 12...
Số tờ giấy thi: 12...

Ngô R. Phương Ngô R. Phương Ngô R. Phương Ngô R. Phương

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150044	La Ngọc	Lễ	29/08/2004	CCQ2215C			8.7	4.0	5.9
2	2123150042	Trần Thanh	Thông	14/06/2005	CCQ2315B			9.8	8.5	9.0
3	2123150039	Phạm Đình	Thuận	23/08/2005	CCQ2315B					
4	2123150025	Khúc Văn	Tiến	05/10/2005	CCQ2315A			7.7	4.5	5.8
5	2123150008	Nguyễn Chí	Tiến	09/04/2005	CCQ2315A			9.2	10	9.7
6	2123150098	Nguyễn Tân	Tiến	31/08/2003	CCQ2315A					
7	2123150041	Nguyễn Ngọc	Toàn	06/11/2005	CCQ2315B					
8	2123150053	Nguyễn Hữu	Trí	20/04/2005	CCQ2315B			9.0	10	9.6
9	2123150080	Đỗ Văn	Triều	16/09/2005	CCQ2315B			9.8	10	9.9
10	2123150038	Trào Công	Trình	20/10/2005	CCQ2315B			6.0	5.0	5.4
11	2123150017	Phạm Minh	Trường	17/01/2003	CCQ2315A			9.3	8.0	8.5
12	2123150032	Phạm Quang	Trường	01/01/2005	CCQ2315A					
13	2123150018	Nguyễn Văn Anh	Tuấn	03/04/2005	CCQ2315A					
14	2123150024	Võ Anh	Tuấn	19/11/2005	CCQ2315A			7.8	7.5	7.6
15	2123150049	Nguyễn Ngọc	Tường	26/01/2005	CCQ2315B			7.5	9.0	8.4
16	2123150048	Vũ Khắc	Tường	22/08/2005	CCQ2315B			9.7	9.0	9.3
17	2123150052	Trần Long	Vĩ	04/05/2005	CCQ2315B			8.0	7.0	7.4